

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 173/2024/DS-PT
Ngày: 30/7/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Thẩm phán:

Bà Trịnh Ngọc Thuý

Ông Trương Văn Hai

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị H- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 127/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 157/2024/QĐXX-PT ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 201/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang;

Nơi ở hiện nay: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B là ông Phùng Thanh H1, sinh năm 1969; Địa chỉ: (theo Văn bản ủy quyền Khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang quyền ngày 19/12/2023) (có mặt)

2. **Bị đơn:**

2.1 Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

2.2 Bà Hồ Thị Trúc L, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, theo giấy ủy quyền ngày 04/7/2024, số công chứng 03068 (có mặt)

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H2, bà Hồ Thị Trúc L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn B (do ông Phùng Thanh H1, đại diện) trình bày:

Ông Nguyễn Văn B mua bán vật tư nông nghiệp với vợ chồng ông Nguyễn Văn H2, bà Hồ Thị Trúc L từ năm 2018 đến ngày 14/9/2019 thì có chốt công nợ lại với vợ chồng ông H2, bà L. Theo đó, tính đến ngày 14/9/2019 thì ông H2, bà L còn nợ ông B tổng số tiền mua vật tư nông nghiệp là 238.930.000 đồng và ông H2 tự viết Biên nhận nợ và ký tên vào biên nhận, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng nhưng chỉ thỏa thuận miệng, không ghi vào biên nhận nợ. Sau đó ông H2, bà L chỉ trả được tổng cộng số tiền lãi là 77.800.000 đồng (cụ thể: ngày 14/02/2019 ông H2 trả lãi 17.800.000 đồng và có ký tên vào sổ trả lãi; sau đó ông H2 trả 10.000.000 đồng tiền lãi nhưng không ký tên vào sổ trả lãi; ngày 19/7/2020 ông H2 trả lãi 10.000.000 đồng và ký tên vào sổ trả lãi; ngày 27/3/2021 ông H2 trả lãi 10.000.000 đồng nhưng không ký tên vào sổ trả lãi; ngày 15/12/2021 ông H2 trả lãi 10.000.000 đồng và ký tên vào sổ trả lãi; ngày 16/5/2022 ông H2 trả lãi 10.000.000 đồng nhưng không ký tên vào sổ trả lãi; ngày 15/3/2023 ông H2 trả lãi 10.000.000 đồng nhưng không ký tên vào sổ trả lãi) và chưa trả nợ gốc cho ông B.

Do ông Nguyễn Văn H2 và bà Hồ Thị Trúc L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông Nguyễn Văn B yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn H2 (8 Lành) và bà Hồ Thị Trúc L phải trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền nợ gốc là 238.930.000 đồng, đồng thời rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Nguyễn Văn H2, bà Hồ Thị Trúc L tiền lãi đến ngày 15/3/2023 là 104.270.000 đồng (tiền lãi được tính như sau: $238.930.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 51 \text{ tháng} - 77.800.000 \text{ đồng} = 104.270.000 \text{ đồng}$) và tiền lãi theo mức lãi suất của pháp luật quy định từ ngày 16/3/2023 đến ngày xét xử.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H2 (đồng thời đại diện cho bị đơn bà Hồ Thị Trúc L) trình bày:

Sau nhiều vụ lúa thì ông và bà Hồ Thị Trúc L còn nợ ông Nguyễn Văn B tiền mua bán vật tư nông nghiệp với số nợ gốc là 238.930.000 đồng và ngày 14/9/2019 có lập B1 nợ với ông B, tuy nhiên tại Biên nhận nợ chỉ thống nhất ông còn nợ ông B nợ gốc là 238.930.000 đồng, hoàn toàn không có thỏa thuận lãi suất chậm trả trên nợ gốc. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm lúa thất bại nên vợ chồng ông có thỏa thuận với ông B mỗi vụ lúa sẽ trả tiền gốc cho ông B là 10.000.000 đồng tính từ vụ Đông Xuân năm 2020, ông đã trả được tiền nợ gốc là 77.800.000 đồng và còn nợ lại tiền gốc là 161.130.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B thì ông không đồng ý vì thực tế vợ chồng ông chỉ còn nợ tiền gốc của ông B là 161.130.000 (*một trăm sáu mươi một triệu một trăm ba mươi ngàn*) đồng. Ông và bà L chỉ đồng ý trả cho ông B tiền nợ gốc mỗi vụ lúa là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và không trả lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn H2, bà Hồ Thị Trúc L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền 238.930.000 (*hai trăm ba mươi tám triệu chín trăm ba mươi ngàn*) đồng.

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

1.3. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn B đối với yêu cầu ông Nguyễn Văn H2, bà Hồ Thị Trúc L trả lãi suất tính trên số tiền 238.930.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo, án phí và thi hành án của đương sự

Ngày 29/3/2024, ông Nguyễn Văn H2 và bà Hồ Thị Trúc L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H2, bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng vụ án: Việc chấp hành pháp luật của đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đồng ý trả 238.930.000đ nhưng xin được trả dần không được bên đại diện nguyên đơn đồng ý, người kháng cáo cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H2, bà Hồ Thị Trúc L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H2 và bà Hồ Thị Trúc L trong hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng kháng cáo nên được Hội đồng

xét xử xem xét nội dung kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông H2, bà L.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ năm 2018 đến năm 2019, vợ chồng bị đơn có mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn, tính đến ngày 14/9/2019, ông H2, bà L ký tên xác nhận còn nợ ông B số tiền: 238.930.000 đồng nên có căn cứ xác định nguyên đơn xác lập quyền đòi với số tiền 238.930.000đ và bị đơn ông H2, bà L là người có nghĩa vụ phải trả số tiền này. Mặc dù nội dung trong biên nhận không ghi lãi suất, nhưng bị đơn đã trả tiền và ghi là trả tiền lãi, tổng nhiều lần đã trả: 77.800.000đồng được các bên thừa nhận nên có căn cứ xác định có thoả thuận trả lãi trên số tiền chậm thanh toán.

Theo nội dung đơn kháng cáo thì bị đơn cho rằng không có thoả thuận về tiền lãi chậm thanh toán nên số tiền 77.800.000đ phải được trừ vào tiền nợ 238.930.000đ.

Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, ông H2 đồng thời là đại diện uỷ quyền cho bà L thừa nhận còn nợ ông B số tiền 238.930.000đ và xin được trả mỗi tháng 10.000.000đ vì trả một lần không có khả năng. Yêu cầu này của bị đơn không được đại diện cho nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để xem xét cho bị đơn được trả nhiều lần cho đến hết nợ. Nên kháng cáo của bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông H2, bà L không được chấp nhận nên ông, bà phải án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H2 và bà Hồ Thị Trúc L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn H2, bà Hồ Thị Trúc L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền 238.930.000 (*hai trăm ba mươi tám triệu chín trăm ba mươi* ngàn) đồng.

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo

mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

1.3. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn B đối với yêu cầu ông Nguyễn Văn H2, bà Hồ Thị Trúc L trả lãi suất tính trên số tiền 238.930.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Văn H2 và bà Hồ Thị Trúc L phải chịu 11.946.500 (*mười một triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. H3 lại cho ông Nguyễn Văn B số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 8.580.000 (*tám triệu năm trăm tám mươi ngàn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013554 ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H2 và bà Hồ Thị Trúc L mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo các Biên lai số 0013780, số 001381 cùng ngày 08 tháng 04 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn cáo kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- TAND huyện Thoại Sơn;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Keo

